TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phương N1, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005; Nơi cư trú: Khóm BHH, phường TL, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Phan Tấn N2, sinh ngày 15 tháng 02 năm 2002; Nơi cư trú: Ấp A, xã TP, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 7 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N1 trình bày: Vào tháng 02 năm 2023, chị và anh Phan Tấn N2 cưới nhau, trước khi cưới có tìm hiểu hơn 01 năm rồi mới tiến đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới xong hai vợ chồng chị về sống cùng gia đình của chồng, nhưng cũng thường xuyên sống bên gia đình chị. Thời gian đầu hai vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, được khoảng 06 tháng, khi chị có thai thì vợ chồng bắt đầu lục đục, mâu

thuẫn về tiền bạc, anh N2 thường xuyên nhậu, mỗi lần anh N2 nhậu về thì cự cãi, còn đánh đập chị. Chị và anh N2 đã không còn sống chung từ cuối tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Gia đình hai bên có kêu 02 vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng anh N2 vẫn như vậy, không thay đổi. Chị nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không hàn gắn tình cảm được nữa, nên chị yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Phan Tấn N2. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Tấn N2. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Nhật M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2024, chị không yêu cầu anh N2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Tấn N2 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Phương N1 cưới nhau vào năm 20023, trước khi cưới có tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã TP, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới thì vợ chồng, vừa sống bên gia đình anh cũng vừa sống bên gia đình chị N1. Nhưng hơn 01 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cũng có lúc cải nhau, cả hai đã không còn sống chung từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 cho đến nay, nay chị N1 yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phan Nhật M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2024, hiện cháu M đang sống với anh, anh không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Phương N1 được ly hôn với anh Phan Tấn N2; Về con chung: Giao con chung Phan Nhật M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho anh N2 tiếp tục nuôi dưỡng, chị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N2 không có yêu cầu; Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương N1 và anh Phan Tấn N2 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn

của chị Nguyễn Thị Phương N1 đối với anh Phan Tấn N2, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị N1 thì cuộc sống của chị và anh N2 đã bắt đầu có sự mâu thuẫn sau khi cưới nhau khoảng 06 tháng, về tiền bạc, anh N2 thường xuyên nhậu, mỗi lần anh N2 nhậu về thì cự cãi, còn đánh đập chị và anh N2 cũng thừa nhận là vợ chồng cũng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cũng có cải nhau. Gia đình hai bên có kêu 02 vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng không thay đổi. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị N1 và anh N2 hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị N1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Phương N1 ly hôn với anh anh Phan Tấn N2.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Phương N1 và anh Phan Tấn N2 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Nhật M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2024, Hội đồng xét xử xét thấy hiên nay con chung đang do anh N2 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh N2 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N2 không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương Ni và anh Phan Tấn N2 cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương N1. Cho chị Nguyễn Thị Phương N1 được ly hôn với anh Phan Tấn N2.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Anh Phan Tấn N2 được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Phan Nhật M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2.2. Chị Nguyễn Thị Phương N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000833 ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị N1 không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã TPh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng